

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Địa chất Chuyên ngành: Địa chất môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Tài Tuệ

2. Ngày tháng năm sinh: 10/5/1981; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Vũ Lễ, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 12, ngõ 68 đường Kim Hoàng, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Tài Tuệ, Bộ môn Địa chất Môi trường, Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, số 334, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0916698697;

E-mail: tuenguyentai@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 10/2012 đến 9/2014: Nghiên cứu sinh sau tiến sĩ, Đại học Ehime, Nhật Bản.

- Từ năm 1/2015 đến nay: Cán bộ giảng dạy tại Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa, Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên; Phó giám đốc Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Địa môi trường và Ứng phó Biến đổi khí hậu.

- Chức vụ cao nhất đã qua:.....

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Số 334, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (0243)8585097.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Việt Nhật, Khoa Các Khoa học Liên ngành, Đại học Quốc gia Hà Nội.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 6 năm 2004, ngành: Địa chất, chuyên ngành: Địa chất môi trường.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 16 tháng 3 năm 2007, ngành: Địa chất, chuyên ngành: Địa hóa học.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 23 tháng 9 năm 2009, ngành: Hóa học và Sinh học, chuyên ngành: Địa hóa sinh thái biển.

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Ehime, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TS ngày 23 tháng 9 năm 2012, ngành: Hóa học và Sinh học, chuyên ngành: Địa hóa sinh thái biển.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Ehime, Nhật Bản.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành:, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm

ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Khoa học Trái đất - Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Địa hóa sinh thái biển;
- Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên;
- Thích ứng biến đổi khí hậu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **03** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01** đề tài nhánh cấp Nhà nước; **01** đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội; **01** đề tài nghiên cứu khoa học cơ bản của Quỹ NAFOSTED.
- Đã công bố **56** bài báo KH, trong đó **15** bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **07**, trong đó **02** chương sách thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Bản thân tôi tự đánh giá theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo giảng dạy tại trường Đại học được quy định tại Điều 70, 72, 77 Luật Giáo dục Việt Nam năm 2005 và Điều 55 Luật Giáo dục Đại học năm 2012 như sau:

1.1. Tiêu chuẩn:

- Tư cách, phẩm chất đạo đức và tư tưởng tốt, luôn sống hòa đồng và biết chia sẻ, giúp đỡ mọi người xung quanh;
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, lập trường và lý tưởng sống vững vàng và lành mạnh;
- Bản thân đã được đào tạo bài bản, đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy và nêu gương tốt cho người học.

1.2. Nhiệm vụ:

- Giảng dạy theo mục tiêu, nguyên lý giáo dục, đáp ứng đầy đủ và có chất lượng các chương trình giáo dục đại học và sau đại học được phân công và giao nhiệm vụ;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật, điều lệ Đảng và nội quy, quy định của nhà trường, nơi đang công tác;
- Giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo, luôn tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học;
- Thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, rèn luyện trau dồi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học;
- Nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ, đảm bảo chất lượng đào tạo;
- Tham gia đầy đủ các công tác Đảng, đoàn thể và các công tác khác;
- Hoàn thành các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 06 năm.
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014-2015(*)	0	0	0	03	0	67,5	67,5/142,5/135
2	2015-2016(**)	0	0	0	05	120	67,5	187,5/287,5/229,5
3	2016-2017(**)	0	0	01	04	162	67,5	229,5/384,5/229,5
3 năm học cuối								
4	2017-2018(**)	0	0	01	04	257	67,5	324,5/452/229,5
5	2018-2019(***)	0	0	01	04	174,5	114	288,5/534/216
6	2019-2020(***)	0	0	0	03	127,5	82,5	210/302,5/216

Ghi chú: (*) Năm học tập sự thử việc tại trường Đại học Khoa học Tự nhiên, định mức giờ chuẩn là 50% theo Điều 8, khoản 1, TT 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014; (**) Là chủ nhiệm lớp, định mức giờ chuẩn 85%, (***) Là Phó Trưởng Khoa định mức giờ chuẩn là 80% (Theo Phụ lục 4, Quyết định 1819/QĐ-ĐHQGHN ngày 1/6/2017; TT 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014).

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

- a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS và luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Nhật Bản năm 2009 và năm 2012.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội; Chương trình đào tạo Thạc sĩ Biến đổi khí hậu và Phát triển, Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NC S	HVCH /CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Hảo		x	x		2016-2017	Trường ĐHKHTN	20/03/2017
2	Lâm Tuấn Mạnh		x	x		2017-2018	Trường ĐHKHTN	10/04/2018
3	Đặng Minh Quân		x	x		2018-2019	Trường ĐHKHTN	28/03/2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Giai đoạn trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Đất ngập nước ven biển Việt Nam	CK	NXB Đại học Quốc	19	Mai Trọng Nhuận	Tham gia biên soạn	36/DT-KHTN

			gia Hà Nội, 2007			Chương 8 (trang 271 – 358)	
2	Kế hoạch hành động bảo tồn và phát triển bền vững đất ngập nước ven biển Việt Nam đến năm 2015	TK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007	13	Mai Trọng Nhuận	Tham gia biên soạn mục I (Trang 11-27)	36/DT-KHTN
II Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
3	Bách khoa thư Địa chất	TK	NXB Đại học Quốc gia, 2016	116 tác giả cho toàn bộ sách 4 tác giả cho mục từ	Tổng Duy Thanh, Trần Nghi, Mai Trọng Nhuận	Tham gia biên soạn mục từ “Tài nguyên Địa chất” (trang 351-362)	36/DT-KHTN
4	Mô hình đô thị có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	7	Mai Trọng Nhuận	Tham gia biên soạn Chương 5 (trang 251-344)	36/DT-KHTN
5	Địa chất đồng vị bền	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2018	1	Nguyễn Tài Tuệ	Viết một mình, Chủ biên	36/DT-KHTN
6	Resilient Asia: Fusion of Traditional and Modern Systems for a Sustainable Future	CK	Springer, Japan, 2018	40 tác giả cho toàn bộ sách 3 tác giả cho Chương 4	Kazuhiko Takeuchi, Osamu Saito, Hiroataka Matsuda, Geetha Mohan	Tham gia biên soạn Chương 4 (Trang 63-79)	36/DT-KHTN
7	Framing Sustainability in Science	CK	2020	23 tác giả cho toàn bộ sách 7 tác giả cho Chương 8	Takashi Mino, Shogo Kudo	Tham gia biên soạn Chương 8 (Trang 63153-171)	36/DT-KHTN

Ghi chú: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau TS: **02** sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (**TT: 01, 04**) và **02** chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (**TT: 06 và 07**).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ				
	Không				
II	Giai đoạn sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ				
1	Đề tài nhánh “Nghiên cứu đề xuất mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu” thuộc Đề tài cấp nhà nước “Nghiên cứu và xây dựng mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, mã số BDKH-32” (ĐT)	CN	Đề tài BDKH-32 (Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (KH-CN-BDKH/11.15))	11/2014 - 5/2015	28/5/2015/Đạt
2	Nghiên cứu xây dựng và áp dụng phương pháp hồi phục đặc điểm cổ khí hậu Holocen bằng phân tích đồng vị bền trong trầm tích ở miền Bắc, Việt Nam (ĐT)	CN	QG.16.16, Đại học Quốc gia Hà Nội	1/2016-1/2019	1/3/2019/Tốt
3	Nghiên cứu so sánh các quá trình sinh địa hóa carbon hữu cơ trong hệ sinh thái rừng ngập mặn Đồng Rui (Quảng Ninh) và Khu dự trữ Sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ (Hồ Chí Minh) (ĐT)	CN	105.08-2015.18 (NAFOSTED – cấp Quốc gia)	5/2016-5/2019	23/11/2019/Đạt

Ghi chú: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
I	Giai đoạn trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
1.1.	Bài báo ISI/Scopus							
1	The application of $\delta^{13}\text{C}$ and C/N ratios as indicators of organic carbon sources and paleoenvironmental change of the mangrove ecosystem from Ba Lat Estuary, Red River, Vietnam	6	Có	Environmental Earth Sciences/ISSN 1866-6280	SCIE, IF = 1,059, Q2	44	64,5, 1475-1486	2011
2	Historical profiles of trace element concentrations in mangrove sediments from the Ba Lat Estuary, Red River, Vietnam	7	Có	Water, Air, & Soil Pollution/ISSN 0049-6979	SCIE, IF = 1,625, Q2	30	223, 3, 1315-1330	2012
3	Food sources of macro-invertebrates in an important mangrove ecosystem of Vietnam determined by dual stable isotope signatures.	6	Có	Journal of Sea Research/ISSN 1385-1101	SCIE, IF = 2,598, Q1 in aquatic science	39	72, 14-21	2012
4	A cross-system analysis of sedimentary organic carbon in the mangrove ecosystems	6	Có	Journal of Sea Research/ISSN 1385-1101	SCIE, IF = 2,598, Q1 in aquatic science	56	67, 1, 69-76	2012

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	of Xuan Thuy National Park, Vietnam							
5	Sources and exchange of particulate organic matter in an estuarine mangrove ecosystem of Xuan Thuy National Park, Vietnam	5	Có	Estuaries and Coasts/ISSN 1559-2723	SCIE, IF = 2,109, Q1	27	35, 1060-1068	2012
I.2. Bài báo quốc tế khác								
6	Assessment of Vietnam Coastal Wetland Vulnerability for Sustainable Use (Case Study in Xuanthuy Ramsar Site, Vietnam)	6	Không	Journal of Wetlands Ecology/ISSN 2091-03632		30	2, 1-16	2009
I.3. Bài báo trong nước								
7	Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương đới ven biển Phan Thiết-Hồ Tràm, Việt Nam phục vụ phát triển bền vững	6	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, KHTN & CN/ISSN 2615-9317		4	XXI, 4, 6-16	2005
8	Đánh giá mức độ nguy hiểm do tai biến đới ven biển Cam Ranh-Phan Rí	6	Không	Tạp chí Địa chất/ ISSN 1859-0659			291, 27-37	2005
9	Nghiên cứu đặc điểm địa hóa môi trường trầm tích tầng mặt vùng biển Phan Thiết - Hồ Tràm (0-30 m nước) phục vụ sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên	6	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, KHTN & CN/ISSN 2615-9317			XXIII, 1, 34-46	2007

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
10	Phân bố tổng carbon hữu cơ (TOC), tổng nitơ (TN), tỷ số TOC/TN và giá trị đồng vị bền carbon ($\delta^{13}C$) của vật chất hữu cơ trong trầm tích.	2	Không	Tạp chí Các khoa học về Trái đất/ ISSN: 0866-7187		2	33, 4, 616-624	2012
11	Đặc điểm phân bố các nguyên tố vi lượng trong trầm tích tầng mặt vịnh Tiên Yên	3	Không	Tạp chí Các khoa học về Trái đất/ ISSN: 0866-7187			34, 1, 10-17	2012
I.4. Báo cáo khoa học								
12	Characterization and mitigation of Vietnam coastal hazards for sustainable development	7	Không	Annual Report of FY 2007, The Core University Program between Japan Society for the Promotion of Science (JSPS) and Vietnamese Academy of Science and Technology (VAST). Osaka University, Osaka		1	139-150	2007
13	Hazards in the Vietnam coastal zone	7	Không	The 2nd international symposium: Climate change and the sustainability. VNU Publisher, Hanoi, Vietnam			7-15	2008
14	Geologic resources vulnerability assessment to orient for vietnam coastal bays sustainable use: a case study of Ganh Rai Bay,	7	Không	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2010: Urban Geoengineering, Earth Resources and			413-422	2010

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	Ba Ria–Vung Tau province, Vietnam			Sustainability in the context of Climate change, Hanoi.				
15	Sources of sedimentary organic carbon in mangrove ecosystems from Ba Lat Estuary, Red River, Vietnam.	6	Có	Modeling and Analysis of Marine Environmental Problems. Terrapub/ISBN 9784887041547		15	5, 51-57	2011
16	Depth profiles of $\delta^{13}\text{C}$ and trace element concentrations in mangrove ecosystem of Tien Hai Natural Reserve, Vietnam	6	Có	Interdisciplinary Studies on Environmental Chemistry- Environmental Pollution and Ecotoxicology. TERRAPUB/ ISBN 9784887041578		2	463-470	2012
II	Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ							
II.1.	Bài báo ISI/Scopus							
17	Correlating mass physical properties with ALOS reflectance spectra for intertidal sediments from the Ba Lat Estuary (northern Vietnam): an exploratory laboratory study	3	Không	Geo-Marine Letters/ISSN 0276-0460	SCIE, IF = 1,852, Q1	3	33, 4, 273-284	2013
18	Dual isotope study of food sources of a fish assemblage in the Red River mangrove ecosystem, Vietnam	7	Có	Hydrobiologia/ISSN 0018-8158	SCIE, IF = 2,212, Q1	7	733, 1, 71-83	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
19	Carbon storage of a tropical mangrove forest in Mui Ca Mau National Park, Vietnam	4	Có	CATENA/ISSN 0341-8162	SCIE, IF = 2,482, Q1	70	121, 119-126	2014
20	Carbon storage in a restored mangrove forest in Can Gio Mangrove Forest Park, Mekong Delta, Vietnam	4	Không	Forest Ecology and Management/ ISSN 0378-1127	SCIE, IF = 2,826, Q1	31	380, 31-40	2016
21	An indicator-based approach to quantifying the adaptive capacity of urban households: The case of Da Nang city, Central Vietnam	5	Không	Urban Climate/ISSN 2212-0955	SCIE, Q1 in Urban studies	19	15, 60-69	2016
22	Will restored mangrove forests enhance sediment organic carbon and ecosystem carbon storage?	4	Không	Regional Studies in Marine Science/ISSN 2352-4855	SCIE, IF = 1,462, Q2 in ecology	11	14, 43-52	2017
23	Tracing carbon transfer and assimilation by invertebrates and fish across a tropical mangrove ecosystem using stable isotopes	5	Có	Marine Ecology/ISSN 0173-9565	SCIE, IF = 1,177, Q2 in ecology	4	38, 5, e12460	2017
24	Sedimentary composition and organic carbon sources in mangrove forests along the coast of northeast Vietnam	7	Có	Regional Studies in Marine Science/ISSN 2352-4855	SCIE, IF = 1,462, Q2 in ecology	6	17, 87-94	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
25	Holocene environmental changes in Red River delta, Vietnam as inferred from the stable carbon isotopes and C/N ratios	6	Có	Journal of Earth System Science/ISSN 2347-4327	SCIE, IF = 1,104, Q2	1	128, 15, 1-12	2019
26	Sensitivity of mangrove soil organic matter decay to warming and sea level change	5	Không	Global Change Biology/ISSN 1354-1013	SCIE, IF = 8,88, Q1		26, 3, 1899-1907	2020
II.3. Bài báo trong nước								
27	Assessing the adaptive capacity of coastal urban households to climate change (case study in Liên Chiểu district, Đà Nẵng city, Vietnam)	4	Không	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences/ISSN 2615-9279		5	31, 2, 23-35	2015
28	Analysis of rural-urban linkages in fast growing cities for enhancing resilience to natural disasters (Case study: Đà Nẵng City, Vietnam)	3	Có	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences/ISSN 2615-9279			31, 3, 46-59	2015
29	Đánh giá khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu cấp hộ gia đình tại huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	5	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 2615-9279			32, 2S, 140-152	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
30	Characteristics of marine environmental geochemistry from Ha Tinh to Quang Nam (60-100m water depth)	7	Không	Vietnam Journal of Earth Sciences/ISSN: 0866-7187			38, 2, 217-230	2016
31	Quantifying organic carbon storage and sources in sediments of Dong Rui mangrove forests, Tien Yen district, Quang Ninh province using carbon stable isotope	4	Không	Vietnam Journal of Earth Sciences/ISSN 0866-7187		2	38, 4, 297-306	2016
32	Tai biến địa hóa vùng biển Việt Nam: Hiện trạng, xu thế và các giải pháp giảm nhẹ	8	Không	Tạp chí Địa chất/ISSN 1859-0659			Loạt A, 360, 28-39	2016
33	Đặc điểm điều kiện địa hóa sinh thái của sá sùng (<i>Sipuculus nudus</i>) ở rừng ngập mặn Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	7	Có	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 2615-9279			32, 2S, 177-186	2016
34	Characteristics of marine environmental geochemistry from Nga Son to Cua Hoi, Thanh Hoa Province (0-30 meters water depth)	9	Không	Journal of Marine Science and Technology/ISSN: 1859-3097			17, 3, 301-311	2017
35	Đánh giá tài nguyên đất và nước xã Na U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên phục vụ xây	12	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 2615-9279			34, 3, 71-85	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	dựng mô hình phát triển bền vững tích hợp 3E+1							
36	Assessment of Sustainable Development Index for Thanh Hoa Province during Period from 2010 - 2014	6	Không	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences/ ISSN 2615-9279			33, 1S, 257-267	2018
37	Heavy metal concentrations in sediment cores from different mangrove forests in Da Loc commune, Hau Loc district, Thanh Hoa province, Vietnam	4	Không	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences/ ISSN 2615-9279			34, 3, 33-44	2018
38	Phục hồi điều kiện cổ môi trường khu vực hồ Ao Tiên, Vườn Quốc gia Ba Bể bằng phương pháp đồng vị bền.	5	Không	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 2615-9279			34, 2, 40-50	2018
39	Environmental and natural resources function zoning for sustainable use of Van Don island district, Quang Ninh province	4	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ biển/ ISSN: 1859-3097			18, 4, 368-377	2018
40	Xác định nguồn gốc của carbon hữu cơ trong trầm tích bề mặt rừng ngập mặn Vườn quốc gia Mũi Cà Mau bằng phương pháp phân tích đồng vị bền	4	Có	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ ISSN 2615-9279			34, 4, 35-46	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
41	An assessment of sustainable development in the south central coast of Vietnam during the Period from 2010 to 2016	4	Có	VNU Journal of Science: Earth and Environmental Sciences/ ISSN 2615-9279			35, 3, 37-48	2019
42	Assessing coral reef resilience for sustainable resource management (case study in Hon La island, Quang Binh province, Vietnam)	3	Không	Vietnam Journal of Marine Science and Technology/ ISSN: 1859-3097			19, 3, 385-394	2019
43	The scientific and practical foundations for sustainable development and climate change response in Mekong Delta, Vietnam	4	Không	Vietnam Journal of Hydrometeorology/ ISSN: 2525-2208			3, 1-11	2019
44	Một số giải pháp đổi mới công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ trái đất - mỏ - môi trường	5	Không	Tạp chí Khí tượng Thủy văn/ ISSN: 2525-2208			EME2, 13-25	2019
II.4. Báo cáo khoa học								
45	Applications of stable isotopes in marine ecosystem studies	4	Có	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2013			181-186	2013

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
				“Natural Resources Engineering and Disaster mitigation for Infrastructure development”, Vietnam National University Publisher, Hanoi				
46	Changes in carbon storage and food sources of benthic invertebrates following the storm disturbance in Can Gio mangrove biosphere reserve, Vietnam	4	Không	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2013 “Natural Resources Engineering and Disaster mitigation for Infrastructure development”, Vietnam National University Publisher, Hanoi			187-191	2013
47	Đặc điểm môi trường địa hóa vùng biển 0-100 m Huế - Bình Định	6	Không	Hội thảo quốc gia: Địa chất và tài nguyên Việt Nam: Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học toàn quốc kỷ niệm 70 năm phát triển. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội/ISBN 9786049134135			262-272	2015
48	An integrated indicator framework of sustainability, prosperity, liveability and adaptation to	4	Không	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2016 “Energy and Sustainability”. Vietnam National			8-15	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	climate change for urban areas			University Press, Hanoi, Hanoi/ISBN 9786046266303				
49	Tracing organic carbon dynamics in mangrove ecosystems using stable isotope analysis	6	Không	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2016 “Energy and Sustainability”. Vietnam National University Press, Hanoi, Hanoi/ ISBN 9786046266303			24-29	2016
50	Conserving mangrove forests for better human resilience, food security, and climate change response in Vietnam	5	Có	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2016 “Energy and Sustainability”. Vietnam National University Press, Hanoi, Hanoi/ISBN 9786046266303			63-68	2016
51	Sources of sedimentary organic carbon in Can Gio Mangrove Biosphere Reserve, Vietnam	5	Không	Proceedings of the International Symposium Hanoi Geoengineering 2016 “Energy and Sustainability”. Vietnam National University Press, Hanoi, Hanoi/ ISBN 9786046266303			254-257	2016
52	Change in sources of sedimentary organic carbon during	5	Không	Proceedings of the International Symposium Hanoi			258-261	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
	mangrove restoration in Thanh Hoa province, Vietnam			Geoengineering 2016 “Energy and Sustainability”. Vietnam National University Press, Hanoi, Hanoi/ ISBN 9786046266303				
53	Xác lập bộ chỉ số đánh giá mức độ phát triển bền vững, áp dụng cho các tỉnh vùng núi phía Bắc Việt Nam	8	Không	International conference on Strategic management for sustainable development, system thinking science and cybernetics approach - lessons for Vietnam. Nhà xuất bản Hải Phòng, Hà Nội/ISBN 9786048312626			194-200	2016
54	Mô hình đô thị ven biển có khả năng thích ứng với Biến đổi khí hậu: Trường hợp nghiên cứu tại Tp. Đà Nẵng	3	Không	Hội thảo quốc gia “Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu”. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội/ISBN 9786049138041			46-52	2019
55	Nghiên cứu mô hình phát triển bền vững tích hợp sinh kế - môi trường - hệ sinh thái ứng phó thông minh với biến đổi khí hậu cho khu vực miền núi Tây Bắc, lấy ví dụ xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	7	Không	Hội thảo quốc gia “Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu”. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội/ ISBN 9786049138041			307-320	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
56	Mô hình sử dụng bền vững tài nguyên rừng ở khu vực biên giới Việt - Lào Tây Bắc trong bối cảnh biến đổi khí hậu, lấy ví dụ xã Na U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	10	Không	Hội thảo quốc gia “Đa dạng sinh học và Biến đổi khí hậu”. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội/ ISBN 9786049138041			330-342	2019

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **05**.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
	Không				

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **0**

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1	Không			

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **0**.

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không				

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được cấp bằng TS: **0**

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Chủ trì xây dựng chương trình đào tạo cử nhân: “Công nghệ Quan trắc và Giám sát Tài nguyên môi trường” tại Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.
- Tham gia xây dựng, phát triển các chương trình bậc đại học: Chương trình đào tạo cử nhân Kỹ thuật địa chất, Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Chương trình đào tạo cử nhân Địa chất tại Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.
- Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ “Biến đổi Khí hậu và Phát triển” tại Trường Đại học Việt Nhật.
- Tham gia xây dựng các môn học thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ “Địa chất môi trường” tại Khoa Địa chất, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):....

.....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):....

.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

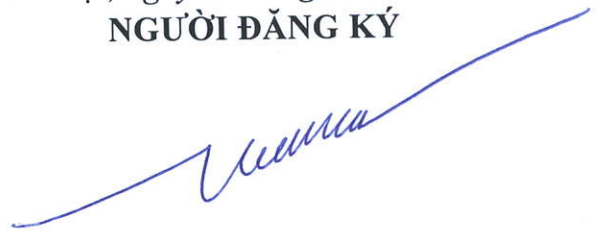
(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Tài Tuệ